TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2019/DS-ST
Ngày: 21 – 5 – 2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Th Liêm

2. Bà Tạ Thị Huế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay", giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn Tr, tên thường gọi Thái, sinh năm: 1961 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần V, huyện Trần V, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Từ Kim Kh, sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Văn Th (vắng mặt).

Chị Trần Thị Cẩm L (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 4, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Lương Văn Tr trình bày: Ngày 25/10/2017, gia đình bà Từ Kim Kh có hỏi mượn ông số 17.000.000đ để trị bệnh cho 02 đứa cháu ngoại (tức con của L và Th) và đi

tìm người con của bà Kh bị bắt cóc. Khi mượn tiền, anh Nguyễn Văn Th là con rể bà Kh có viết biên nhận nợ cho ông, có mặt bà Kh ký nhận nợ, đồng thời chị Trần Thị Cẩm L có giao cho ông 01 Giấy chứng minh nhân dân của chị L để làm tin. Sau khi mượn tiền, ông có đến gia đình bà Kh yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng gia đình bà Kh luôn hứa hẹn mà không trả. Đến ngày 29/8/2018, ông có yêu cầu Tổ hoà giải khóm 4, phường T hoà giải thì bà Kh thừa nhận nợ và cam kết trả mỗi tháng 2.000.000đ nhưng chỉ thực hiện được 02 tháng thì ngưng trả. Sau đó anh có gặp chị L và anh Th yêu cầu trả nợ thì chị L, anh Th có trả ông được 1.000.000đ. Tổng số tiền bà Kh, anh Th và chị L trả cho ông được 5.000.000đ.

Từ nội dung trên, ông Tr yêu cầu bà Kh cùng anh Th và chị L có nghĩa vụ Th toán cho ông tổng số tiền 12.000.000đ.

* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Toà án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên toà xét xử vụ án nhiều lần nhưng bà Kh, anh Th, chị L đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Mặc dù đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như triệu tập đến phiên toà xét xử vụ án nhiều lần nhưng bà Kh, anh Th, chị L đều vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến phản hồi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về loại việc các bên tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên loại việc tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Mặc dù biên nhận nợ ghi là tiền mượn nhưng nội dung thoả thuận mỗi tháng trả 2.000.000đ tiền gốc và 350.000đ tiền lãi. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự được xác định là hợp đồng vay tài sản. Căn cứ biên nhận nợ ngày 25, không có tháng và năm cụ thể thì việc giao dịch nợ vay giữa bà Kh và anh Th với ông Tr có thể hiện số tiền mượn 17.000.000đ, thời hạn Th toán là 08 tháng, thỏa thuận lãi 350.000đ. Tuy nhiên, quá trình hoà giải tại Tổ hoà giải khóm 4, phường T, thành phố C, bà Từ Kim Kh thừa nhận có nợ ông Thái tức Lương Văn Tr số tiền 17.000.000đ và cam kết trả mỗi tháng 2.000.000đ bắt đầu thực hiện từ ngày 29/8/2018. Như vậy, có căn cứ xác định bà Từ Kim Kh và anh Nguyễn Văn Th có nợ của ông Tr số tiền nợ gốc 17.000.000đ và có lãi, nay đã phát sinh tranh chấp nên được chấp nhận làm cơ sở Th lý hợp đồng.

[3] Song, vấn đề đặt ra là nghĩa vụ và thời hạn Th toán nợ sau khi vay. Hội đồng xét xử xét thấy: Khi anh Th vay nợ của ông Tr, anh có viết biên nhận nợ cho ông Tr và có mẹ vợ anh là bà Từ Kim Kh ký nhận. Trong nội dung biên nhận nợ

anh Th có ghi *"Gia đình tôi có mượn a Thái số tiền 17.000.000đ"*. Bên cạnh đó, khi vay nợ, chị Trần Thị Cẩm L là vợ anh Th có giao cho ông Tr 01 Giấy chứng minh nhân dân của chị để làm tin. Điều này phù hợp với lời trình bày của ông Tr là mục đích vay nợ để trị bệnh cho 02 đứa cháu bà Kh (con anh Th và chị L) và tìm người con bị bắt cóc của bà Kh. Việc bà Kh, anh Th, chị L không có ý kiến phản hồi và cũng không có mặt tại phiên tòa để đưa ra các chứng cứ chứng minh nên các đương sự này phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Vì vậy, cần buộc bà Kh và anh Th cùng chị L có nghĩa vụ liên đới Th toán cho ông Tr số tiền 12.000.000đ là có căn cứ. Ông Tr có trách nhiệm trả lại Giấy chứng minh nhân dân cho chị L khi bà Kh, anh Th và chị L Th toán xong khoản nợ.

Về thời gian Th toán nợ: Ông Tr yêu cầu bà Kh, anh Th và chị L Th toán nợ cho ông trong 06 tháng. Xét thấy, thời gian Th toán nợ Tr đây các đương sự thoả thuận trả mỗi tháng 2.000.000đ tại Tổ hoà giải khóm 4, phường T, thành phố C nhưng không thực hiện được, nay có phát sinh tranh chấp nên thẩm quyền này thuộc Cơ quan thi hành án dân sự thành phố C xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Do phải thực hiện nghĩa vụ Th toán nợ cho ông Tr nên bà Kh, anh Th và chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Tr được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên ông không phải chịu án phí, đã nộp tạm ứng án phí nên được hoàn lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Tr, tên thường gọi Thái - buộc bà Từ Kim Kh và anh Nguyễn Văn Th cùng chị Trần Thị Cẩm L có nghĩa vụ liên đới Th toán cho ông Tr số tiền 12.000.000đ.

Ông Tr có trách nhiệm trả lại Giấy chứng minh nhân dân cho chị L khi bà Kh, anh Th và chị L Th toán xong khoản nợ.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Từ Kim Kh và anh Nguyễn Văn Th cùng chị Trần Thị Cẩm L phải chịu 600.000đ *(chưa nộp)*. Ông Lương Văn

Tr không phải chịu án phí, ngày 20 tháng 02 năm 2019, ông Tr đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 2077 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được hoàn lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Ông Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Kh, anh Th, chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Minh Hải